

Bản án số: 126/2022/HN&GD-ST

Ngày 31/5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lường Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thăng Long
2. Ông Lê Xuân Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Xuân Ch, Sinh năm 1975. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn 5, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Lê Thị H, Sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn 5, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022, bản tự khai ngày 12/04/2022 của nguyên đơn Anh Đỗ Xuân Ch thể hiện như sau:

Anh Đỗ Xuân Ch và Chị Lê Thị H kết hôn với nhau năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và được UBND xã Ng cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2003. Sau khi cưới vợ chồng sống bình thường được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do quan điểm sống hai bên không phù hợp, nay cuộc sống chung giữa anh Ch và chị H không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn Chị Lê Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Tr, sinh ngày 10/9//1999 và cháu Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 13/02/2010. Cháu Tr đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh Ch không đề nghị Tòa án xem xét mà anh có nguyện vọng được nuôi cháu H và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lại lời khai ngày 07/4/2022 của bị đơn Chị Lê Thị H thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị H và anh Ch kết hôn với nhau năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Ng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2003. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau bình thường cho đến thời gian cách đây khoảng một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Ch có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân được 02 tháng, nay anh Ch làm đơn xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Tr, sinh ngày 10/9//1999 và cháu Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 13/02/2010. Hiện nay cháu Tr đã thành niên và có gia đình riêng, chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi cháu H, nếu anh Ch cương quyết xin ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi cháu H và yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của cháu Đỗ Thị Thu H thể hiện mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ không thể đoàn tụ thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

* Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh Ch và chị H tại xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện: Anh Đỗ Xuân Ch và Chị Lê Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng vào ngày 24/11/2003. Về con chung: Anh Ch và chị H có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Tr, sinh ngày 10/9//1999 và cháu Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 13/02/2010. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Ch và chị H thì địa phương không nắm rõ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cho thấy Chị Lê Thị H có năm sinh theo Giấy chứng nhận kết hôn và căn cước công dân là không thống nhất. Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã Ng và xác định Chị Lê Thị H trong giấy chứng nhận kết hôn và Chị Lê Thị H trong căn cước công dân là một người.

Do anh Ch có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử.

*** Quan điểm của Đại diện VKS tham gia phiên tòa:**

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, tiến hành công khai chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các bên đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho Anh Đỗ Xuân Ch được ly hôn Chị Lê Thị H.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 13/02/2010 cho anh Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản: Anh Ch và chị H không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Anh Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện và các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Ch có đơn từ chối hòa giải; Anh Ch có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn không có mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Ch và chị H.

[2]. Về hôn nhân: Anh Đỗ Xuân Ch và Chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn, như vậy về hôn nhân giữa anh Ch và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Ch sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp, tình cảm vợ chồng không còn nhưng theo chị H thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh Ch có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng khi Tòa án triệu tập chị H đến Tòa để hòa giải thì chị H không đến, điều đó thể hiện việc chị H không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng và bỏ mặc cho Tòa án giải quyết thế nào thì tùy. Mặc dù

quan điểm của anh Ch và chị H không thống nhất về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn nhưng thực tế cuộc sống chung giữa anh Ch và chị H luôn xảy ra mâu thuẫn và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy hôn nhân của anh Ch và chị H đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho vợ chồng được ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Tr, sinh ngày 10/9//1999 và cháu Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 13/02/2010. Đối với cháu Tr đã thành niên nên cả anh Ch và chị H đều không yêu cầu, đối với cháu Đỗ Thị Thu H thì cả anh Ch và chị H đều có nguyện vọng được nuôi cháu H, xét thấy nguyện vọng muốn được nuôi con của anh Ch và chị H đều chính đáng nhưng cháu H có nguyện vọng được ở với bố nên giao cháu cho anh Ch nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ch không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Ch là nguyên đơn trong vụ án nên buộc anh Ch phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điều a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho Anh Đỗ Xuân Ch được ly hôn Chị Lê Thị H.

2. Về con: Công nhận Anh Đỗ Xuân Ch và Chị Lê Thị H có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Tr, sinh ngày 10/9//1999 và cháu Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 13/02/2010.

Giao cháu Đỗ Thị Thu H cho anh Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Xuân Ch phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0010758 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa (anh Ch đã thi hành xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án đương sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Ch, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hoằng Hóa.
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.
- Các đương sự
- UBND xã Ng
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lường Thị Hoa

